TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **112**/2021/DS-PT Ngày: 20-8-2021. *V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng, bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2021/TLPT-DS ngày 10/6/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Toà án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2021/QĐPT-DS ngày 21/7/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, địa chỉ: Buôn G, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Bà Ma Thị B và ông Nông Hồng V, cùng địa chỉ: Buôn Đ, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Ông V ủy quyền cho bà B, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ma Thị B: Ông Nguyễn Hữu H - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:* Trong năm 2014, bà Ma Thị B đã nhiều lần vay tiền của bà H; mỗi lần vay, hai bên quy đổi theo giá cà phê nhân hoặc cà phê tươi tại thời điểm vay; hẹn đến cuối vụ thu hoạch cà phê năm 2014, bên vay phải trả bằng tiền theo giá cà phê tại thời điểm trả nợ. Đến cuối năm 2014, hai bên đã tính toán và thống nhất số nợ bà B còn phải trả bà H là 194.000.000 đồng.

Do không có tiền trả nợ, vợ chồng bà Ma Thị B, ông Nông Hồng V viết "Giấy khất nợ" ngày 12/02/2015 với nội dung: Bà Ma Thị B và ông Nông Hồng V nợ bà H1 số tiền 194.000.000 đồng; hẹn đến 30/7/2015 trả 30 triệu đồng, 30/12/2015 trả 70 triệu đồng,

20/7/2016 trả 30 triệu đồng, tháng 12/2016 trả 60 triệu đồng và số tiền còn lại là 4 triệu, khi nào có thì đưa. Sau nhiều lần đòi nợ, bà B mới trả được 32.000.000 đồng.

Ngày 12/3/2020, bà H khởi kiện yêu cầu bà B, ông V phải trả số tiền còn lại là 162.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,66% tháng x 40 tháng là 107.568.000 đồng; tổng cộng là 269.568.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà B, ông V phải trả số tiền nợ còn lại cho bà là 162.000.000 đồng; về tiền lãi, bà H yêu cầu trả lãi của số tiền 162.000.000 đồng từ khi hết hạn trả nợ cuối cùng là 31/12/2016 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi chậm trả Tòa án áp dụng, phần chênh lệch so với đơn khởi kiện bà H xin rút yêu cầu.

- Bị đơn bà Ma Thị B, ông Nông Hồng V trình bày: Ông, bà đều cho rằng không quen biết, không giao dịch với bà Trần Thị H nên không nợ nần gì bà H.

Về "Giấy khất nợ" ngày 12/02/2015, bà B thừa nhận chữ ký, chữ viết trong "Giấy khất nợ" trên là do bà B viết nội dung số nợ, hạn trả nợ từng lần, có chữ ký, họ, tên của bà và chồng bà là ông Nông Hồng V. Bà B cho rằng khi viết và ký xác nhận nợ là bị bà H1 ép buộc để bà H1 đi khất nợ người khác; bà H1 mà bà B, ông V viết giấy khất nợ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974, địa chỉ Buôn B, xã K nay đã bỏ đi khỏi địa phương không phải là bà Trần Thị H.

Ông Nông Hồng V có bản tường trình rằng ông có ký vào "Giấy khất nợ" ngày 12/02/2015, nhưng ông ký vào giấy là do bị bà H1 ép buộc chứ ông không vay nợ bà H đồng thời bà H đã yêu cầu ông ký giấy khất nợ là người khác, không phải là bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 161, khoản 2 Điều 184, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 471, khoản 1, 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H; buộc bà Ma Thị B, ông Nông Hồng V liên đới trả bà Trần Thị H số tiền là 223.587.000 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với bà Ma Thị B, ông Nông Hồng V tương ứng với số tiền lãi là 45.981.000 đồng.

Kể từ ngày 21/4/2021 cho đến khi thi hành án xong, bà Ma Thị B, ông Nông Hồng V còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/5/2021, bị đơn bà Ma Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk:

Về tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Ma Thị B: Theo Giấy khất nợ được lập ngày 12/02/2015, bị đơn bà Ma Thị B và ông Nông Hồng V có xác nhận nội dung: "*Nợ chị H1 số tiền 194.000.000 (một trăm chín tư triệu đồng chẵn), hẹn trả làm 02 năm…*", có chữ ký của bà Ma Thị B và ông Nông Hồng V. Theo nguyên đơn bà H trình bày, trong năm 2014 nguyên đơn có cho bà B vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay quy đổi theo giá cà phê nhân hoặc cà phê tươi tại thời điểm vay, đến ngày 12/02/2015 giữa hai bên có lập giấy chốt nợ với tổng số tiền là 194.000.000 đồng.

Bị đơn cho rằng không vay tiền của nguyên đơn, chỉ vay tiền của một người tên Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974, cư trú tại thôn B, xã K, huyện L. Tuy nhiên, theo xác nhận của công an xã K, huyện L từ năm 2013 đến năm 2020 không có ai tên là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974 thường trú hoặc đăng ký tạm trú tại địa chỉ trên; Ủy ban nhân dân xã K, Công an xã K, huyện L và các đoàn thể tại địa phương nơi bà H sinh sống cũng xác nhận nội dung: Bà Trần Thị H có tên thường gọi là H1; Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn cung cấp giấy chốt cà tươi đề ngày 16/10/2014, có chữ ký của bà Ma Thị B, tại giấy chốt nợ này nguyên đơn xác nhận nội dung "*Bời tổng nợ chị cà nhân 2 tấn tư, cà tươi 14 tấn*", theo kết luận giám định số 156/PC09 ngày 21/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk thì nội dung xác nhận trên so với chữ viết đứng tên Trần Thị H trong các tài liệu so sánh là do cùng một người viết ra; Chữ ký, chữ viết mang tên Ma Thị B trong mục ký nhận nợ tại giấy chốt nợ 16/10/2014 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Ma Thị B trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Đồng thời, bà H cũng là người lưu giữ giấy khất nợ ngày 12/02/2015; giấy chốt cà tươi đề ngày 16/10/2014; bị đơn ông V, bà B đều thừa nhận ký vào giấy khất nợ ngày 12/02/2015.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà H cung cấp giấy sang nhượng đất rẫy có xác nhận của Chủ tịch UBND xã K, người chuyển nhượng là Trần Thị H (Tên thường gọi là H1).

Như vậy, có cơ sở xác định ngày 12/02/2015, vợ chồng ông Nông Hồng V và bà Ma Thị B đã xác nhận khoản nợ 194.000.000 đồng với bà H1, thực chất là bà Trần Thị H.

Sau khi hai bên lập giấy chốt nợ, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 32.000.000 đồng, còn nợ lại 162.000.000 đồng. Do đó, Tóa cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 223.587.000 đồng, trong đó có 162.000.000 đồng tiền gốc và 61.587.000 đồng tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm trả. Bản sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 217; Điều 218 của BLTTDS.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Ma Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bà Ma Thị B có đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn, thuộc xã vùng 3 nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ma Thị B; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H; buộc bà Ma Thị B và ông Nông Hồng V phải liên đới trả cho bà Trần Thị H số tiền là **223.587.000** đồng (trong đó có 162.000.000 đồng tiền gốc và 61.587.000 đồng tiền lãi).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với yêu cầu bà Ma Thị B và ông Nông Hồng V trả **45.981.000** đồng tiền lãi chậm trả.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Bà Ma Thị B và ông Nông Hồng V phải chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định. Bà Trần Thị H được nhận lại 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định sau khi thu được của bà Ma Thị B và ông Nông Hồng V.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ma Thị B, ông Nông Hồng V phải chịu 11.179.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị H được nhận lại 6.739.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2017/0013719 ngày 13/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ma Thị B được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Lắk;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thị Nhung